

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST
Ngày: 26-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công; nghề nghiệp: Giáo viên hưu trí.

Ông Nguyễn Huỳnh Nguyên Vỹ; nghề nghiệp: cán bộ Huyện đoàn Bầu Bàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Mai Hữu T, sinh năm 1976 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã H, huyện G, tỉnh Thanh Hóa; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; con ông Mai Hữu Đ và bà Mai Thị V; có vợ là Mai Thị T và 03 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2016/HSST ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa xử phạt tiền Mai Hữu T 6.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 27 tháng 3 năm 2020 đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 4, khu phố N, phường P, thị xã P1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi sinh sống: khu phố S, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; Q tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Đinh Thị Nh và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Trần Cao C, sinh năm 1988 tại tỉnh H Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 4B, thị trấn D, huyện D1, tỉnh Bình Dương; nơi sinh sống: khu phố B, thị

trần L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Bùi Thị H và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 26 tháng 3 năm 2020 đến nay, có mặt.

4. Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ sơn nước; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; Q tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 2, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà H Thị Thanh H (đã chết); tiền án: không; tiền sự: không; bị truy nã theo Quyết định truy nã số 06 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng không có kết quả, vắng mặt.

6. Lê Đình L, sinh năm 1992 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 7, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình D (đã chết) và bà Trần Thị Nh; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Trọng H, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2004; hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (mẹ của H), vắng mặt.

2. Anh Lê Quốc T, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp B4, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3. Anh Trần Công Ngh, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; tạm trú: 28C4, đường N3-5B, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Hữu T; hộ khẩu thường trú: số 5B17-01, đường Nguyễn An N, Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về Hành vi phạm tội của các bị cáo:

Mai Hữu T, Nguyễn Ngọc H, Trần Cao C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Q và Lê Đình L là bạn nhau.

Khoảng 20 giờ ngày 14 tháng 8 năm 2019, H, C, Q và L sau khi uống rượu xong, H rủ C, Q và L đánh bài thắng thua bằng tiền tại phòng trọ số 6, dãy 28C4, đường N3-5B, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương của anh Lê Quốc T; C, Q và L đồng ý. C mua 02 bộ bài tây 52 lá để đánh bài thắng thua bằng tiền với hình thức chơi bài liêng, cụ thể:

Bộ bài tây 52 lá được chia đều cho những người chơi, mỗi người ba lá; không ai làm cái; mỗi người đặt vào cH bạc 20.000 đồng tiền tẩy; sau khi xem bài, dựa vào bài lớn hay nhỏ mà người chơi có thể tố thêm từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng; người tố đầu tiên là người chia bài, nếu người này không tố thì người kế tiếp tính từ phải qua trái được quyền tố; ai theo tố thì thêm số tiền bằng với số tiền của người tố, ai không theo tố thì úp bài chịu thua; không giới hạn số vòng tố đến khi không còn ai theo tố thì người tố cuối cùng thắng và nhận được tổng số tiền trong ván bài. Cách tính điểm thắng thua như sau:

- Lớn nhất là xám cô, tức ba lá bài giống nhau tính theo thứ tự từ thấp nhất là ba lá 2, ..., ba lá K, cao nhất là ba lá A;

- Tiếp theo là liêng (sảnh), tức ba lá bài liền kề nhau tính theo thứ tự từ 1, 2, 3; 4, 5, 6... đến các sảnh có bài tây là 9, 10, J; J, Q, K, cao nhất là Q, K, A;

- Tiếp theo là ba tây, tức ba lá bài có hình ký hiệu J, Q, K không theo thứ tự liền kề nhau như J, J, K; Q, Q, K ...;

- Cuối cùng là tính điểm số (nút) trên lá bài (không thuộc xám cô, liêng, ba tây), tức là cộng điểm của ba lá bài lại và lấy số Hng đơn vị tính điểm. Điểm lớn nhất là 09, điểm nhỏ nhất là 10 điểm (hoặc còn gọi là 00 điểm), nếu trong ba lá bài có một lá hoặc hai lá bài tây (các lá bài có hình tây J, Q, K) thì mỗi lá được tính là 10 điểm;

- Nếu các đối tượng trùng kiểu bài, trùng điểm số với nhau thì tính theo nước từ lớn đến nhỏ là cơ, rô, chuồn, bích ký hiệu trên lá bài.

Khoảng 20 giờ 30 cùng ngày, Lê Đình L, T và Nguyễn Trọng H thấy H, C, Q và L chơi đánh bài liêng nên vào cùng tham gia. Trong lúc đánh bạc, C lấy 50.000 đồng trong cH bạc mua đồ ăn cho các con bạc ăn. C yêu cầu anh Trần Công Ngh mang nước và 05 bộ bài đến bán cho các con bạc. C lấy 120.000 đồng trong cH bạc trả cho anh Ngh. Anh Ngh ngồi xem các bị cáo đánh bạc. Đến 21 giờ 20 phút cùng ngày, trong lúc các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện Bàu Bàng bắt quả tang.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã truy tố. Riêng bị cáo Q đã bỏ trốn, vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra bị cáo Q cũng thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về Hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành Tội đánh bạc.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã thu giữ các vật chứng sau: tiền thu giữ được trực tiếp tại cH bạc là 5.180.000 đồng; tiền thu giữ được trong người của H là 5.000.000 đồng, C là 1.000.000 đồng, Lê Đình L là 1.920.000 đồng và H là 500.000 đồng; 07 bộ bài tây 52 lá gồm 03 bộ đã sử dụng và 04 bộ chưa sử dụng.

Các bị cáo đã khai nhận: T mang theo số tiền 670.000 đồng, khi bị bắt T thua 290.000 đồng, thu trên cH bạc 380.000 đồng; H mang theo số tiền 5.970.000 đồng, khi bị bắt H thắng 410.000 đồng, thu trên cH bạc 1.380.000 đồng; C mang theo số tiền 2.140.000 đồng, khi bị bắt C thắng 240.000 đồng, thu trên cH bạc 1.380.000 đồng; L mang theo số tiền 3.070.000 đồng, khi bị bắt L thua 1.140.000 đồng, thu trên cH bạc 10.000 đồng, thu giữ trong người L 1.920.000 đồng; Q mang theo số tiền 600.000 đồng, khi bị bắt Q thua 280.000 đồng, thu trên cH bạc 320.000 đồng; Lê Đình L mang theo số tiền 600.000 đồng, khi bị bắt Lê Đình L thắng 920.000 đồng, thu trên cH bạc 1.520.000 đồng; H mang theo số tiền 720.000 đồng, khi bị bắt H thua 190.000 đồng, thu trên cH bạc 30.000 đồng, thu giữ trong người H 380.000 đồng.

Số tiền thu giữ được trực tiếp tại cH bạc là 5.180.000 đồng gồm: 380.000 đồng của Tiến, 1.380.000 đồng của H, 1.380.000 đồng của C, 10.000 đồng của L, 320.000 đồng của Q, 1.520.000 đồng của Lê Đình L, 30.000 đồng của H và tiền tây 160.000 đồng.

Đối với 5.180.000 đồng thu giữ được trực tiếp tại cH bạc; tiền thu giữ được trong người của H là 5.000.000 đồng, C là 1.000.000 đồng, Lê Đình L là 1.920.000 đồng và H là 500.000 đồng có căn cứ xác định là tiền dùng đánh bạc; vì vậy đề nghị Tòa án tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 07 bộ bài tây 52 lá gồm 03 bộ đã sử dụng và 04 bộ chưa sử dụng, là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị Tòa án tịch thu tiêu hủy.

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của Tiến 01 điện thoại di động hãng Nokia, hiệu TA 1034 màu đen gắn sim số 0943.559.016, số Imei 1: 354493095896626, số Imei 2: 354495090896626.

Xét đây là tài sản của bị cáo T không là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị Tòa án tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, kiểu dáng J6+, màu xanh đen, có gắn sim số 0937.377.433, số

Imei 1: 352812102205897, số Imei 2: 352813102205895; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 72H7-3995, số máy: E435-VN100384, số khung: BE4AA-030100384 và 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0045624 mang tên Nguyễn Hữu T.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô này do bị cáo H mua lại nhưng không có giấy tờ mua bán; giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0045624 mang tên anh Nguyễn Hữu T, tuy nhiên, anh T không có mặt tại địa phương; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã đăng báo tìm chủ sở hữu đối với xe mô tô biển số 72H7-3995 và triệu tập hợp lệ anh T tham gia tố tụng, tuy nhiên không ai đến nhận và anh T vắng mặt.

Xét các tài sản thu giữ của bị cáo H không là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị Tòa án tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với xe mô tô biển số 72H7-3995 và giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0045624, đề nghị Tòa án tuyên giao Ủy ban nhân dân huyện B xử lý theo thẩm quyền.

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của C 01 điện thoại di động hãng Nokia, hiệu 1100i màu xanh trắng gắn sim số 0339.270070, số Imei: 352055/02/051417/8.

Xét đây là tài sản của bị cáo C không là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị Tòa án tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, kiểu F9, màu đen gắn sim số 0399.382.614, số Imei 1: 866376047067217, số Imei 2: 866376047067209; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, số máy: JA32E0092404, số khung: 3229EY092249 và 01 Giấy chứng nhận đăng lý xe mô tô, xe máy số 028328 mang tên Nguyễn Văn L.

Xét đây là tài sản của bị cáo L không là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị Tòa án tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của Q 01 điện thoại di động hãng Nokia, hiệu RM-1134 màu đen, gắn sim số 0367.664.230, số Imei: 355127072792544.

Xét đây là tài sản của bị cáo Q không là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị Tòa án tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của H 01 điện thoại di động hãng Nokia, hiệu 1280 màu tím gắn sim số 0336.999.650, số Imei: 351876/02/787186/0.

Xét đây là tài sản của H không là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị Tòa án tuyên trả lại cho H.

Đối với hành vi đánh bạc của H, tại thời điểm phạm tội ngày 14 tháng 8 năm 2019, H chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản số 539/QĐ-XPCLBB ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Công an huyện Bàu Bàng, xử phạt H hình thức cảnh cáo do H đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính là đánh bạc thắng thua bằng tiền.

Đối với anh Ngh không tham gia đánh bạc nên không cấu thành tội phạm.

Việc các bị cáo vào phòng trọ của anh T chơi đánh bạc tối ngày 14 tháng 8 năm 2019, anh T không có mặt tại phòng trọ, không biết các bị cáo dùng phòng trọ của mình để đánh bạc. Cơ quan điều tra đã triệu tập anh T để làm việc nhưng T không tham gia tố tụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và các bị cáo không có ý kiến gì về thu giữ và xử lý vật chứng như trên. Riêng bị cáo Q đã bỏ trốn, vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra bị cáo Q cũng không có ý kiến gì về thu giữ và xử lý vật chứng như trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về thu giữ và xử lý vật chứng như trên.

- Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKSBB ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đã truy tố các bị cáo về “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trên cơ sở đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T, xử phạt tù bị cáo T 08 tháng đến 10 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Q, xử phạt tù bị cáo Q từ 06 tháng đến 08 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo H, C, L và Lê Đình L, xử phạt tiền mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: như trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên. Riêng bị cáo Q đã bỏ trốn, vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra bị cáo Q cũng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T: trong thời gian tạm giam bị cáo suy nghĩ rất nhiều, bị cáo đã hối hận; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội và nuôi con nhỏ.

Bị cáo H: mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ, bị cáo lần đầu phạm tội.

Bị cáo C: bị cáo sai trái, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo L: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Lê Đình L: bị cáo đã sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị cáo Nguyễn Văn Q bỏ trốn và việc truy nã không có kết quả; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Trọng H là chị Nguyễn Thị X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Quốc T, Trần Công Ngh và Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến Hành xét xử.

[1.3] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng chỉ tiến Hành lập biên bản xác minh đối với anh Nguyễn Hữu T, là người đứng tên giấy đăng ký xe mô tô biển số 72H7-3995 (bút lục số 279), chưa tiến hành làm việc, lấy lời khai anh T với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, nhằm hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Thẩm phán đã trao đổi với Kiểm sát viên có biện pháp khắc phục kịp thời, cụ thể đã tiến hành niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự triệu tập anh T để lấy lời khai làm rõ các tình tiết của vụ án liên quan đến xe mô tô biển số 72H7-3995, đồng thời xác định tư cách tham gia tố tụng của anh T trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.4] Đối với Danh bản (bút lục số 116, số 137, số 159, số 177, số 198 và số 228) và Chỉ bản (bút lục số 117, số 138, số 160, số 178, số 199 và số 229) của các

bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự. Đây là thiếu sót cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án sau này.

[1.5] Về hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình tố tụng các bị cáo đều thừa nhận, khoảng 20 giờ ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại phòng trọ số 6, dãy 28C4, đường N3-5B, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài liêng ba lá được thua bằng tiền với nhau và với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án H, tổng số tiền thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc là 5.180.000 đồng (năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, việc Kiểm sát viên truy tố các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và xem thường pháp luật, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của mỗi gia đình trong xã hội, là nguyên nhân phát sinh những tệ nạn khác. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Vì tư lợi mà các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài liêng ba lá được thua bằng tiền. Vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn: bị cáo H với vai trò rủ rê bị cáo C, bị cáo L và bị cáo Q tham gia đánh bạc; sau đó các bị cáo T, bị cáo Lê Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án H vào cùng tham gia. Dù các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Riêng bị cáo T có tiền án về hành vi đánh bạc, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội; bị cáo C và bị cáo Q trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không trình diện, bị cáo Q bỏ trốn, gây khó khăn cho quá trình xét xử; điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo T, bị cáo C và bị cáo Q. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo

một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[5.1] Đối với bị cáo T:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo có cha và mẹ là người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo không phải là phạm tội lần đầu, không thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm (là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện Hành vi phạm tội do cố ý theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.2] Đối với bị cáo H, bị cáo C, bị cáo L và bị cáo Lê Đình L:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.3] Đối với bị cáo Q:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do bị cáo Q bỏ trốn, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo T và bị cáo Q; quyết định áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo H, bị cáo C, bị cáo L và bị cáo Lê Đình L là phù hợp.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án H chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã xử phạt hành chính đối với H là phù hợp.

[9] Hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ngh không cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng không xử lý là phù hợp.

[10] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 5.180.000 đồng (năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc; tiền thu giữ được trong người của bị cáo H là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bị cáo C là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), bị cáo Lê Đình L là 1.920.000 đồng (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án H là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) là số tiền dùng đánh bạc. Tổng cộng là 13.600.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 07 (bảy) bộ bài tây 52 lá gồm 03 (ba) bộ đã sử dụng và 04 (bốn) bộ chưa sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các tài sản khác quá trình điều tra đã tạm giữ của bị cáo T, bị cáo H, bị cáo C, bị cáo L, bị cáo Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án H không là công cụ, phương tiện phạm tội, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo T, bị cáo H, bị cáo C, bị cáo L, bị cáo Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án H; tuy nhiên cần tạm giữ các tài sản của các bị cáo H, bị cáo C và bị cáo L, để đảm bảo thi hành án, cụ thể:

Trả lại cho bị cáo T 01 (một) điện thoại di động Nokia, hiệu TA 1034 màu đen kèm sim số 0943.559016, số Imei 1: 354493095896626, số Imei 2: 354495090896626.

Trả lại cho bị cáo H 01 (một) điện thoại di động Samsung, hiệu Galaxy J6+ màu xanh đen kèm sim số 0937.377.433, số Imei 1: 352812102205897 và số Imei 2: 352813102205895; 01 (một) xe mô tô hãng Suzuki, biển số 72H7-3995, số máy: VN100384, số khung: BE4AA-030100384 và 01 (một) Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0045624 mang tên Nguyễn Hữu T, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hành án.

Trả lại cho bị cáo C 01 (một) điện thoại di động Nokia, hiệu 1100i màu xanh trắng kèm sim số 0339.270.070, số Imei: 352055/02/051417/8, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo L 01 (một) điện thoại di động OPPO F9 màu xanh đen kèm sim số 0399.382.614, số Imei 1: 866376047067217, số Imei 2: 866376047067209; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, Wave RSX, số máy: JA32E0092404, số khung: 3229EY092249 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028328 mang tên Nguyễn Văn L, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Q 01 (một) điện thoại di động Nokia, RM-1134 màu đen kèm sim số 0367.664.230, số Imei: 355127072792544.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án H 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280 màu tím kèm sim số 0336.999.650, số Imei: 351876/02/787186/0.

[11] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Mai Hữu T phạm “Tội đánh bạc”.

Xử phạt tù bị cáo Mai Hữu T 08 (tám) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27 tháng 3 năm 2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn L và Lê Đình L:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn L và Lê Đình L phạm “Tội đánh bạc”.

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Ngọc H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn L 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Lê Đình L 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Trần Cao C:

Tuyên bố bị cáo Trần Cao C phạm “Tội đánh bạc”.

Xử phạt tiền bị cáo Trần Cao C 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Bị cáo Trần Cao C bị xử phạt bằng hình phạt không phải là hình phạt tù, tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Cao C đang bị tạm giam, nếu bị cáo Trần Cao C không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm “Tội đánh bạc”.

Xử phạt tù bị cáo Nguyễn Văn Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong, bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 5.180.000 đồng (năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng), 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bị cáo Nguyễn Ngọc H, 1.000.000 đồng (một triệu đồng) của bị cáo Trần Cao C, 1.920.000 đồng (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) của bị cáo Lê Đình L và 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Trọng H. Tổng cộng là 13.600.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

(Ủy nhiệm chi ngày 08 tháng 4 năm 2020 của đơn vị trả tiền là Công an huyện Bàu Bàng).

Tịch thu tiêu hủy 07 (bảy) bộ bài tây 52 lá gồm 03 (ba) bộ đã sử dụng và 04 (bốn) bộ chưa sử dụng.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Mai Hữu T 01 (một) điện thoại di động Nokia, hiệu TA 1034 màu đen kèm sim số 0943.559016, số Imei 1: 354493095896626, số Imei 2: 354495090896626.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 (một) điện thoại di động Samsung, hiệu Galaxy J6+ màu xanh đen kèm sim số 0937.377.433, số Imei 1: 352812102205897 và số Imei 2: 352813102205895; 01 (một) xe mô tô hãng Suzuki, biển số 72H7-3995, số máy: VN100384, số khung: BE4AA-030100384 và 01 (một) Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0045624 mang tên Nguyễn Hữu T, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trần Cao C 01 (một) điện thoại di động Nokia, hiệu 1100i màu xanh trắng kèm sim số 0339.270.070, số Imei: 352055/02/051417/8, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) điện thoại di động OPPO F9 màu xanh đen kèm sim số 0399.382.614, số Imei 1: 866376047067217, số Imei 2: 866376047067209; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, Wave RSX, số máy: JA32E0092404, số khung: 3229EY092249 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028328 mang tên Nguyễn Văn L, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) điện thoại di động Nokia, RM-1134 màu đen kèm sim số 0367.664.230, số Imei: 355127072792544.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Trọng H 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280 màu tím kèm sim số 0336.999.650, số Imei: 351876/02/787186/0.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng ngày 17 tháng 01 năm 2020 và ngày 24 tháng 3 năm 2020).

Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban Hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi Hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên